

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
TỔ SỬ - ĐỊA – GDKT&PL

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA ĐỊA LÍ KHỐI 12
GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026

A. NỘI DUNG

1. LÝ THUYẾT

BÀI 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

1. Vị trí địa lí

- Khái quát: nằm trên bán đảo Đông Dương, tiếp giáp Trung Quốc, Lào, Cambodia và nhiều nước trên Biển Đông.
- Hệ toạ độ địa lí phần đất liền: Kéo dài hướng B – N; Hẹp ngang hướng Đ – T.

Cực	Vĩ độ	Kinh độ	Xã	Tỉnh
Bắc ↑	23°23' B		Lũng Cú	Tuyên Quang
Nam ↓	08°34' B		Đất Mũi	Cà Mau
Đông →		109°28' Đ	Đại Lãnh	Khánh Hoà
Tây ←		102°09' Đ	Sín Thầu	Điện Biên

Ngoài khơi xa, lãnh thổ vươn tới 6°50' B và 101°Đ – 117°20'Đ.

- Việt Nam nằm ở: Bắc bán cầu và Bán cầu Đông (+7 GMT).
- Tiếp giáp với Biển Đông thông ra Thái Bình Dương rộng lớn.
- Nằm trên vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải; trên đường di lưu của các loài sinh vật.
- Nằm trên ngã tư hàng hải và hàng không quốc tế: nối liền châu Á ↔ châu Đại Dương, Thái Bình Dương ↔ Ấn Độ Dương; nằm trong khu vực phát triển kinh tế năng động.

2. Phạm vi lãnh thổ

Bao gồm: vùng đất, vùng biển và vùng trời.

2.1. Vùng đất

- Diện tích: 331 nghìn km² (toàn bộ diện tích đất liền và đảo trên biển).
- Đường biên giới trên bộ tiếp giáp với: Trung Quốc, Lào, Cambodia.

2.2. Vùng biển

- Diện tích: khoảng 1 triệu km².
- Vùng biển tiếp giáp với: Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei, Singapore, Cambodia và Thái Lan.



- Vùng biển nước ta gồm 5 bộ phận: Nội thủy, Lãnh hải, Vùng tiếp giáp lãnh hải, Vùng đặc quyền kinh tế và Thềm lục địa (*học sinh xác định chiều rộng và đặc điểm của các bộ phận trên vùng biển*).

2.3. Vùng trời

Là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ:

+ Trên đất liền: được xác định bằng đường biên giới.

+ Trên biển: được xác định bằng ranh giới phía ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ ĐẾN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ AN NINH QUỐC PHÒNG

1. Ảnh hưởng đến tự nhiên

- Thiên nhiên mang sắc thái của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

+ Nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu (BBC) nên có lượng bức xạ mặt trời lớn và nhiệt độ trung bình năm cao.

+ Nằm trong khu vực hoạt động của gió Mậu dịch (Tín phong BBC) và gió mùa châu Á (gió mùa châu chính, điển hình).

→ *Thiên nhiên tiêu biểu của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa: khí hậu, hệ sinh thái, đất, nước,...*

- Chịu tác động sâu sắc của Biển Đông.

+ Nguồn âm dồi dào, phát triển hệ sinh thái rừng thường xanh, khác với các quốc gia ở cùng vĩ độ (khô hạn).

- Nằm trên vành đai sinh khoáng và trên đường di lưu của sinh vật.

+ Có tài nguyên khoáng sản đa dạng, thành phần loài sinh vật phong phú.

- *Lãnh thổ có sự phân hoá: B – N; Đ – T; miền núi và đồng bằng,...* hình thành các miền địa lí tự nhiên khác nhau.

- *Khó khăn:* có nhiều thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt, hạn hán,...

2. Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng

- *Kinh tế:* thuận lợi giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới với nhiều cảng biển, cảng hàng không quốc tế, hệ thống các cửa khẩu,...

→ *Hội nhập, mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài.*

- *Xã hội:* có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hoá – xã hội với các nước trong khu vực Đông Nam Á.

→ *Chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị, cùng phát triển với các nước.*

- *Chính trị và an ninh quốc phòng:* vị trí quốc gia đặc biệt quan trọng ở khu vực Đông Nam Á – nơi có nền kinh tế phát triển sôi động và nhạy cảm với biến động chính trị trên thế giới.

→ *Thách thức về cạnh tranh phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền quốc gia, diễn biến hoà bình,...*

BÀI 2: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

I. BIỂU HIỆN CỦA THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

Ở nước ta, thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện rõ rệt ở các thành phần tự nhiên:

1. Khí hậu

- **Lượng bức xạ mặt trời lớn và nhiệt độ trung bình năm cao, biểu hiện:**

- + Tổng bức xạ lớn, cân cân bức xạ dương (+) quanh năm.
- + Nhiệt độ trung bình cả nước trên 20°C (trừ vùng núi cao).
- + Nắng nhiều, ánh sáng mạnh, số giờ nắng trung bình từ 1400 – 3000 giờ/năm.

* **Nguyên nhân:**

- + Do vị trí địa lí nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bắc bán cầu, trong năm có 2 lần mặt trời lên thiên đỉnh, góc nhập xạ lớn → Độ cao mặt trời quanh năm khá lớn, thời gian ban ngày nhiều (11 – 13 giờ/ngày).

- **Lượng mưa và độ ẩm lớn, biểu hiện:**

- + Lượng mưa trung bình năm từ 1500 – 2000 mm, ở vùng núi cao hoặc địa hình chắn gió - lượng mưa 3500 – 4000 mm.
- + Độ ẩm không khí luôn cao 80 – 85%, cân bằng ẩm luôn dương (+).

$$\text{Cân bằng ẩm} = \text{Lượng mưa} - \text{Lượng bốc hơi}$$

* **Nguyên nhân:**

- + Do các khối khí di chuyển qua biển (trong đó có biển Đông – biển Á) mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn (khác với các nước ở cùng vĩ độ).
- + Ngoài ra, lượng mưa và độ ẩm cao còn chịu ảnh hưởng bởi yếu tố địa hình, hướng gió theo mùa,...

- **Hoạt động của gió mùa, biểu hiện:**

* **Gió mùa:** là loại gió thổi theo mùa, có hướng và tính chất trái ngược nhau giữa 2 mùa gió.

* **Điều kiện hình thành:** một lục địa rộng lớn nằm kề cận với một đại dương rộng lớn; do sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa, từ đó có sự thay đổi của các vùng khí áp cao và khí áp thấp giữa lục địa và đại dương.

* **Gió mùa ở Việt Nam:**

- Nằm trong vùng nội chí tuyến bắc bán cầu → gió Tín phong hoạt động quanh năm.
- Tuy nhiên, khí hậu nước ta lại chịu ảnh hưởng của các khối khí hoạt động theo mùa và có 2 mùa gió chính: gió mùa đông và gió mùa hạ.
- Gió mùa lấn át gió Tín phong nên gió Tín phong chỉ hoạt động mạnh vào thời kỳ chuyển tiếp giữa hai mùa gió.

* **Biểu hiện gió mùa ở Việt Nam:**

• **Gió mùa mùa đông:**

- Thời gian hoạt động: Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
- Trung tâm xuất phát: cao áp Xi-bia.
- Hướng: đông bắc - gọi là gió mùa Đông Bắc.
- Phạm vi tác động: phía bắc dãy Bạch Mã (16°B).
- Tính chất:

+ Nửa đầu mùa đông: lạnh khô.

+ Nửa sau mùa đông: lạnh ẩm, gây mưa phùn ở vùng ven biển và đồng bằng sông Hồng.

+ Chỉ tác động từng đợt, tạo nên một mùa đông có 2 – 3 tháng lạnh (nhiệt độ dưới 18°C).

- Khu vực từ Đà Nẵng trở vào Nam, gió Tín phong bắc bán cầu (thổi cùng hướng đông bắc) chiếm ưu thế gây mưa cho vùng duyên hải Trung Bộ và tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

• **Gió mùa mùa hạ:**

- Thời gian hoạt động: Từ tháng 5 đến tháng 10.

- Trung tâm xuất phát: có hai luồng gió cùng thổi vào nước ta là áp cao Nam Ấn Độ Dương và áp cao Ôx-trây-li-a → hình thành khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương và cận chí tuyến Nam Bán Cầu.

- Hướng: tây nam - gọi là gió mùa Tây Nam.

- Phạm vi tác động: cả nước.

- Tính chất:

+ Trong mùa gió Tây Nam, khí hậu thời tiết khá đồng nhất trên cả nước (nhiệt độ cao trên 25°C, chiếm trên 80% lượng mưa cả năm).

+ Đầu mùa hạ: gió xuất phát từ vịnh Ben-gan gây nóng ẩm, mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên. Gió này vượt dãy Trường Sơn (hiệu ứng fon) tạo thành gió “Lào” gây khô nóng cho đồng bằng ven biển Trung Bộ, phía nam khu vực Tây Bắc và có khi ở đồng bằng Bắc Bộ.

+ Giữa và cuối mùa hạ: gió xuất phát từ Tín phong Nam Bán Cầu gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên, cùng với dải hội tụ nhiệt đới gây mưa cho cả nước, mưa nhiều cho Trung Bộ vào tháng 9. Do áp thấp Bắc Bộ phát triển, khối khí này di chuyển theo hướng đông nam vào miền Bắc nước ta gây mưa.

→ Hoạt động gió mùa đã dẫn tới sự phân chia mùa khí hậu khác nhau giữa các khu vực trên cả nước:

+ Miền Bắc: mùa đông lạnh, ít mưa; mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều; giữa hai mùa có thời kỳ chuyển tiếp.

+ Miền Nam: có hai mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

+ Giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung bộ có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô.

2. Địa hình

* **Nguyên nhân:**

- Do có nền nhiệt độ cao; lượng mưa lớn tập trung theo mùa, nham thạch dễ bị phong hóa trong điều kiện nóng, ẩm cao.

- Quá trình phong hóa, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ diễn ra mạnh mẽ (ngoại lực chiếm ưu thế).

- Do có địa hình cao và có độ dốc lớn.

* **Biểu hiện:**

+ **Xâm thực mạnh ở miền đồi núi**

- Địa hình bị cắt xẻ, bào mòn, nhiều nơi trơ sỏi đá.

- Sạt lở đất phổ biến vào mùa mưa, lũ trên các sườn đồi, núi dốc.

- Có nhiều địa hình cacxtơ với các hang động ngầm, suối cạn, thung khô.
- Các vùng thềm phù sa cổ bị chia cắt thành các vùng đồi thấp xen thung lũng rộng.

+ **Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông**

- Các đồng bằng châu thổ lớn là kết quả của quá trình xâm thực, bào mòn địa hình đồi núi ở nước ta.
- Quá trình bồi tụ diễn ra nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông: rìa phía đông nam ĐBSH và tây nam ĐBSCL.

→ *Quá trình xâm thực - bồi tụ là quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình của nước ta.*

3. Sông ngòi:

+ **Mạng lưới sông ngòi dày đặc nhưng chủ yếu là sông nhỏ**

- Có 2360 con sông dài trên 10 km. Dọc bờ biển khoảng 20 km gặp một cửa sông.
- Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa:
 - . Tổng lượng nước các sông ngòi khoảng 839 tỉ m³/năm.
 - . 60% lượng nước từ phần lưu vực nằm ngoài lãnh thổ.
 - . Tổng lượng phù sa hàng năm trên lãnh thổ khoảng 200 triệu tấn/năm.

+ **Chế độ nước theo mùa**

- Mùa lũ tương ứng với mùa mưa; Mùa cạn tương ứng với mùa khô.
- Do chế độ mưa thất thường nên chế độ dòng chảy cũng thất thường.

4. Đất:

- Quá trình hình thành đất feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta (diễn ra ở vùng đồi núi thấp trên đá mẹ axit).

- Lớp đất phong hóa dày do được hình thành trong điều kiện nhiệt ẩm cao. Với những cường độ phong hoá khác nhau, đất dễ bị kết von, đá ong hoặc thoái hoá.

- Đặc trưng:

+ Có tính chua: do mưa nhiều rửa trôi các chất bazơ dễ tan Ca²⁺, Mg²⁺, K⁺ diễn ra trên đá mẹ axit.

+ Có màu đỏ vàng: do có sự tích tụ oxit sắt và nhôm (Fe₂O₃ và Al₂O₃)

→ *Đất feralit đỏ vàng (Fe-Al) là loại đất chính của nước ta.*

5. Sinh vật:

- Thảm thực vật ở nước ta có lượng sinh khối lớn và năng suất sinh học cao.

- Thành phần động, thực vật nhiệt đới chiếm ưu thế:

+ Thực vật: các họ cây nhiệt đới như cây họ Đậu, Vang, Dâu tằm, Dầu,...

+ Động vật: các loài chim, thú nhiệt đới như công, trĩ, gà lôi, vẹt, khỉ, vượn, nai,...

- Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng là *rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh*.

Hiện nay phổ biến là rừng thứ sinh với các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa biến dạng khác nhau như: rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh; gió mùa nửa rụng lá; rừng thưa khô rụng lá; xavan, trảng cỏ, cây bụi chịu hạn,...

→ *Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu: hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.*

II. ẢNH HƯỞNG CỦA THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG

1. Ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất

- Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa có ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

+ Lượng nhiệt, ẩm dồi dào, đất đai màu mỡ tạo điều kiện phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới → Sản xuất nông nghiệp hàng hoá, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

+ Tạo nên sự đa dạng trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi có nguồn gốc từ nhiệt đới → cận nhiệt → ôn đới.

+ Tuy nhiên, tính thất thường của thời tiết dễ xuất hiện dịch bệnh, thiên tai,...

- Ngoài ra, thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa còn tạo điều kiện thuận lợi phát triển lâm nghiệp, thủy sản, du lịch, giao thông vận tải,... Mặt khác, các hoạt động này cũng chịu tác động trực tiếp của thiên tai.

2. Ảnh hưởng đến đời sống

- Thuận lợi: phát triển đời sống con người, các hoạt động KT-XH diễn ra quanh năm.

- Khó khăn:

+ Thiên tai gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

+ Môi trường thuận lợi cho dịch bệnh phát triển.

BÀI 3: SỰ PHÂN HOÁ ĐA DẠNG CỦA THIÊN NHIÊN

I. SỰ PHÂN HOÁ ĐA DẠNG CỦA THIÊN NHIÊN

1. Thiên nhiên phân hoá theo chiều bắc - nam

* Nguyên nhân:

Quy luật địa đới: sự thay đổi cảnh quan và thành phần địa lí theo vĩ độ (ngoại lực).

+ Lãnh thổ kéo dài theo vĩ độ, góc nhập xạ tăng dần từ bắc vào nam.

+ Do ảnh hưởng sự hoạt động của gió mùa Đông Bắc.

* Biểu hiện:

“Hải Vân đèo lớn vượt qua,
Mưa xuân ai bỗng đổi ra nắng hè...”

(Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu)

Ranh giới: Dãy núi Bạch Mã (16°B)

Yếu tố tự nhiên	Phần lãnh thổ phía Bắc	Phần lãnh thổ phía Nam
Kiểu khí hậu	Nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh	Cận xích đạo gió mùa, phân thành 2 mùa: mưa và khô
Nhiệt độ tb năm	> 20°C	> 25°C
Biên độ nhiệt độ	Cao	Nhỏ
- Số tháng nhiệt độ < 18°C	2 - 3 tháng Do ảnh hưởng gió mùa ĐB	Không có tháng nào Không ảnh hưởng gió mùa ĐB
Cảnh quan thiên nhiên	Rừng nhiệt đới gió mùa	Rừng cận xích đạo gió mùa

- Thành phần sinh vật loài	Nhiệt đới chiếm ưu thế, còn có cận nhiệt và ôn đới (do gió mùa và địa hình)	Chủ yếu xích đạo và nhiệt đới, có nhiều loài chịu hạn (mùa khô)
----------------------------	---	---

2. Thiên nhiên phân hoá theo chiều đông - tây

- Quy luật phi địa đới → Quy luật địa ô (nội lực).
- Từ Đông sang Tây, từ biển vào đất liền, thiên nhiên nước ta phân hóa thành 3 dải rõ rệt: Vùng biển và thềm lục địa; Vùng đồng bằng ven biển; Vùng đồi núi.

* Vùng biển và thềm lục địa

- Diện tích vùng biển nước ta lớn gấp 3 lần diện tích phần đất liền.
- Độ nông – sâu, rộng – hẹp của biển và thềm lục địa có quan hệ chặt chẽ với vùng đồng bằng và đồi núi kề bên.
- + Bên cạnh đồng bằng rộng lớn Bắc Bộ và Nam Bộ → thềm lục địa nông và rộng.
- + Bên cạnh các vùng núi ăn lan sát biển vùng Trung Bộ → thềm lục địa sâu và hẹp.
- Thiên nhiên đa dạng, giàu có, tiêu biểu cho vùng biển nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Các dòng hải lưu: thay đổi theo hoàn lưu gió mùa, Tín phong,...

* Vùng đồng bằng ven biển

- Thiên nhiên thay đổi tùy nơi, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ với dải đồi núi ở phía Tây và vùng biển ở phía Đông.
- Nơi đồi núi lùi xa vào đất liền (đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ):
- + Đồng bằng mở rộng với những bãi triều thấp, thềm lục địa nông và rộng.
- + Phong cảnh thiên nhiên trù phú, xanh tươi và thay đổi theo mùa.
- Nơi đồi núi ăn lan sát biển (Nam Trung Bộ):
- + Đồng bằng hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- + Bờ biển khúc khuỷu, thềm lục địa sâu và hẹp.
- + Phổ biến các dạng địa hình bồi tụ, mài mòn, cồn cát, đầm phá xen kẽ nhau.
- + Thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai kém màu mỡ.

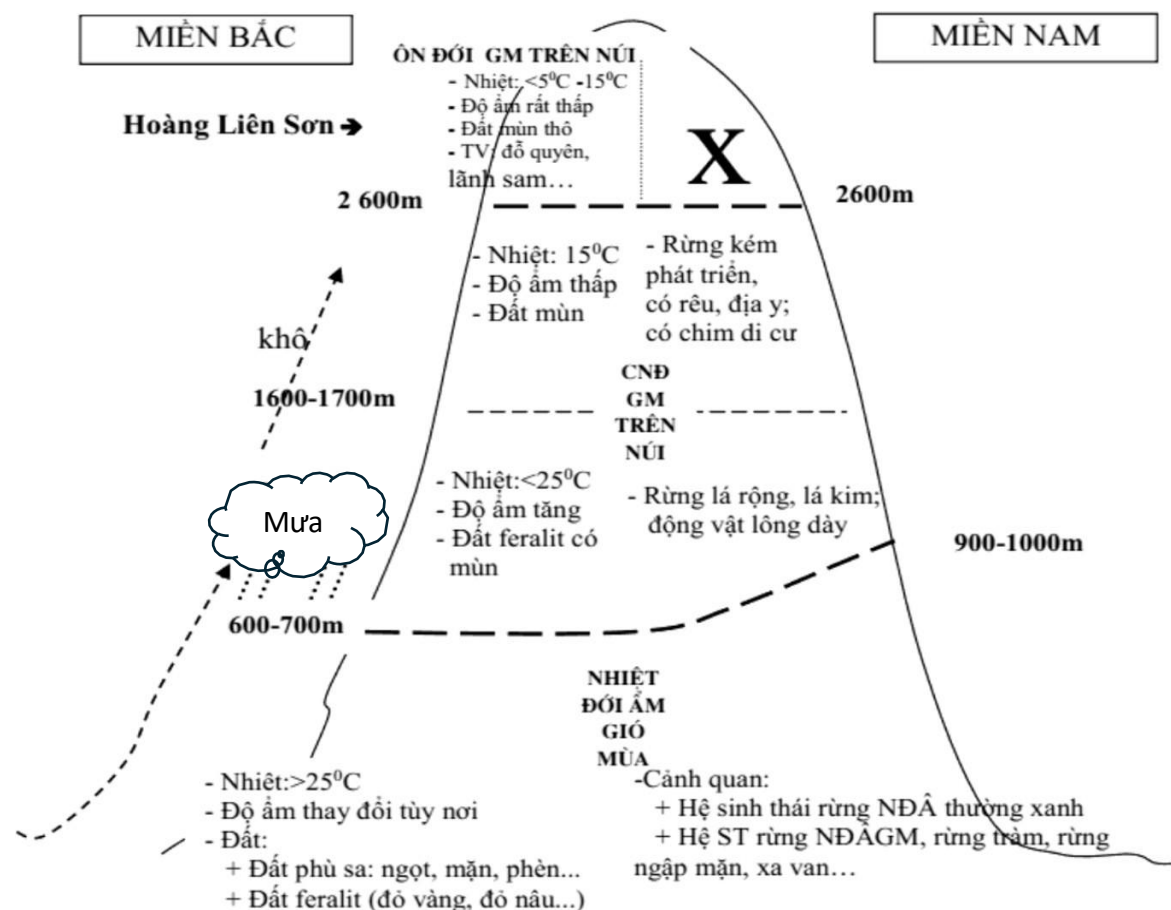
* Vùng đồi núi

- Sự phân hóa Đông – Tây rất phức tạp, chủ yếu do tác động của gió mùa với hướng các dãy núi.
- Khác biệt giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc:
- + Vùng núi thấp Đông Bắc mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa, mùa đông lạnh đến sớm (do ảnh hưởng địa hình hướng núi cánh cung và gió mùa Đông Bắc).
- + Vùng núi Tây Bắc ở phía Nam có cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, ở vùng núi cao có cảnh quan gần như ôn đới (do ảnh hưởng độ cao của địa hình).
- Khác biệt giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên:
- + Do ảnh hưởng của hoạt động của gió mùa, gió Tín Phong và dải hội tụ nhiệt đới kết hợp với địa hình nên khi Đông Trường Sơn là mùa mưa thì Tây Nguyên là mùa khô và ngược lại → hình thành những cảnh quan thiên nhiên khác nhau giữa Đông Trường Sơn và Tây Trường Sơn.

3. Thiên nhiên phân hoá theo độ cao

Quy luật phi địa đới → Quy luật đai cao (nội lực).

Thiên nhiên nước ta có 3 đai cao



II. CÁC MIỀN TỰ NHIÊN

Yếu tố TN	Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ	Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
1. Phạm vi lãnh thổ	Ranh giới phía tây nam của miền dọc theo bờ phải sông Hồng và rìa phía tây, tây nam đồng bằng Bắc Bộ	- Từ bờ phải sông Hồng tới dãy núi Bạch Mã.	- Từ dãy núi Bạch Mã trở vào Nam.
2. Địa hình	- Vùng núi: + Núi thấp chiếm ưu thế. + Hướng núi: vòng cung, cao ở phía bắc, thấp dần phía tây nam. - Vùng đồng bằng:	- Vùng núi: + Núi cao và núi trung bình chiếm ưu thế. + Địa hình bị chia cắt mạnh và hiểm trở nhất cả nước. + Các dãy núi xen kẽ	- Vùng núi: + Trường Sơn Nam là dãy núi lớn, hình cánh cung, có sự bất đối xứng giữa sườn đông và sườn tây. + Các CN badan rộng lớn, địa hình bằng phẳng.

	<p>rộng và bằng phẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa hình các – xơ khá phổ biến. - Bờ biển đa dạng: nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh đảo. 	<p>các thung lũng theo hướng TB – ĐN. Có nhiều sơn nguyên, cao nguyên. ĐH lòng chảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ven biển: Nhiều cồn cát, đầm phá, bãi tắm đẹp. - ĐB nhỏ và bị chia cắt. 	<ul style="list-style-type: none"> + ĐB sông Cửu Long rộng lớn, có hệ thống kênh rạch chằng chịt, nhiều vùng trũng ngập nước vào mùa lũ. + ĐB ven biển NTB nhỏ hẹp, bị chia cắt bởi các nhánh núi lấn ra biển. + Vùng biển với thềm lục địa rộng lớn, giàu tài nguyên.
3. Đất	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng đồi núi thấp: tiêu biểu là đất feralit trên đá mẹ. - Đồng bằng: đất phù sa, đất phèn, đất mặn... 	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng đồi núi: Nhóm đất feralit trên đá vôi và feralit trên các loại đá khác. - Đồng bằng: đất phù sa 	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng núi và cao nguyên: đất feralit trên đá badan và đất feralit trên các loại đá khác. - ĐB sông Cửu Long: đất phù sa, đất phèn, đất mặn. - ĐB ven biển miền Trung: đất phù sa kém màu mỡ. - Ngoài ra còn có đất xám trên phù sa cổ.
4. Khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc tạo nên 1 mùa đông lạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc trưng của khí hậu là sự giảm sút ảnh hưởng của gió mùa đông bắc. - Nhiệt độ TB năm tăng dần và biên độ nhiệt giảm. - Tây Bắc có mùa đông ấm hơn và ngắn hơn Đông Bắc. - Bắc Trung Bộ có gió Tây khô nóng và mưa đầu mùa hạ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khí hậu mang tính chất cận xích đạo gió mùa. - Nhiệt độ TB năm cao, biên độ nhiệt năm nhỏ. - Có 2 mùa mưa – khô rõ rệt. - Mùa khô kéo dài và gay gắt.

5. Sông ngòi	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng tây bắc – đông nam: sông Hồng, sông Chảy... - Hướng vòng cung: sông Lô, s.Gâm, s. Lục Nam... 	<ul style="list-style-type: none"> - Sông ngòi hướng tây bắc – đông nam. S.Đà. s.Mã, s.Cả... - Sông nhỏ, dốc, bắt nguồn từ vùng núi phía Tây và đổ ra Biển Đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nam Trung Bộ: sông nhỏ, ngắn bắt nguồn từ vùng núi Trường Sơn na đổ ra biển Đông. - ĐB sông Cửu Long: có 2 sông lớn là S.Tiền và S.Hậu
5. Khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoáng sản chủ yếu: than đá (Quảng Ninh, Thái Nguyên), than nâu (ĐBSH) thiếc (Cao Bằng), chì, kẽm (Bắc Cạn), khí tự nhiên... 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoáng sản chủ yếu: sắt (Hà Tĩnh), đồng (Sơn La), crôm (Thanh Hoá), apatit (Lào Cai, thiếc (Nghệ An) vật liệu xây dựng... 	<ul style="list-style-type: none"> - Dầu mỏ, khí tự nhiên ở thềm lục địa phía Nam, bô - xít ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.
6. Sinh vật	<ul style="list-style-type: none"> - SV phong phú và đặc sắc, có 50% thành phần loài bản địa. - Nhiều loài động vật quý hiếm: voọc đầu trắng, voọc quần đùi trắng. - Cảnh sắc thiên nhiên thay đổi theo mùa, theo khu vực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có sự hội tụ của nhiều luồng sinh vật. - Rừng còn tương đối nhiều ở Nghệ An. - Trường Sơn Bắc: thực vật phương nam chiếm ưu thế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cảnh quan điểm hình là rừng cận xích đạo gió mùa. - Xuất hiện kiểu rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá và rụng lá. - ĐB sông Cửu Long có rừng ngập mặn và rừng tràm.

III. ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ PHÂN HOÁ THIÊN NHIÊN ĐẾN PHÁT TRIỂN KT – XH.

1. Thuận lợi.

- Sự phân hoá thiên nhiên theo chiều Bắc – Nam ảnh hưởng tới quy hoạch, hướng chuyên môn hoá sản xuất trong NN giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam.
- Sự phân hoá đông – tây ảnh hưởng tới hướng phát triển KT – XH.
- Sự phân hoá thiên nhiên theo độ cao tạo nên những nét độc đáo trong các ngành sản xuất và đời sống.

2. Khó khăn.

- Sự phân hoá của thiên nhiên cũng dẫn đến sự phân hoá về tài nguyên, các điều kiện phát triển kinh tế giữa các vùng, miền.
- Vùng đồi núi địa hình cao, cắt xẻ gây nhiều khó khăn, trở ngại cho GTVT, giao lưu kinh tế, phân bố dân cư, phát triển y tế, giáo dục.

BÀI 5. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. SỰ SUY GIẢM TNTN NƯỚC TA			
Các tài nguyên	Hiện trạng	Nguyên nhân	Giải pháp
Tài nguyên đất	<ul style="list-style-type: none"> - Tài nguyên đất đang bị suy giảm (d/c) - Nhiều nơi bị thoái hóa (biểu hiện) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động của sản xuất và sinh hoạt (d/c) - Thiên tai, biến đổi khí hậu... 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng cơ chế, chính sách bảo vệ, quy định sử dụng đất. - Bảo vệ và trồng rừng. - Vùng đồng bằng thích ứng BĐKH và các thời tiết cực đoan. - Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức người dân.
Tài nguyên sinh vật	<ul style="list-style-type: none"> - Tài nguyên rừng bị suy giảm: rừng nguyên sinh còn ít, chủ yếu rừng thứ sinh, HST rừng ngập mặn giảm đáng kể. - Giảm đa dạng sinh vật về số lượng cá thể và số lượng loài → giảm gen di truyền 	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác quá mức trong nhiều năm. - Biến đổi KH, thiên tai... 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Luật đa dạng sinh học và BVMT. - Quy hoạch khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia. - Tăng cường trồng và bảo vệ rừng. - Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức người dân.
Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Suy giảm đang ở mức báo động. - Nguồn nước mặt suy giảm và bị ô nhiễm. - Nguồn nước ngầm hạ thấp - Nhiều nơi thiếu nước ngọt vào mùa khô 	<ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi KH. - Khai thác quá mức. - Chất thải từ SX và SH chưa qua xử lí. - Lạm dụng phân hóa học trong NN. - Phá rừng đầu nguồn. - Mùa khô kéo dài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành bộ luật về sử dụng tài nguyên nước. - Quản lí mang tính thống nhất theo lưu vực và kết hợp địa bàn và hợp tác quốc tế. - Khai thác, sử dụng tiết kiệm, an toàn và hiệu quả. - Bảo vệ và duy trì

			các khu vực nguồn nước. - Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức người dân.
--	--	--	---

II. VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hiện trạng và nguyên nhân

* *Hiện trạng:*

ONMT ở nước ta đang là vấn đề cấp bách và mức độ ngày càng tăng:

- Ô nhiễm không khí, bụi mịn diễn ra cả thành thị và nông thôn.
- Ô nhiễm môi trường nước sông, biển, nước ngầm.

* *Nguyên nhân:*

- Do chất thải, khí thải từ sản xuất CN, GTVT, rác thải sinh hoạt và sử dụng nhiều hóa chất bảo vệ thực vật.
- Do biến đổi KH, thiên tai...

2. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Thực hiện tốt Luật BVMT.
- Kiểm soát, phòng ngừa và xử lý kịp thời.
- Tăng cường trồng và bảo vệ rừng.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ xử lý chất thải, tái chế; thúc đẩy mô hình tuần hoàn, kinh tế xanh.
- Phân loại rác thải sinh hoạt.
- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức BVMT cho toàn dân.

2. KĨ NĂNG

- Nhận xét, phân tích bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ
- Nhận dạng biểu đồ
- Thực hiện các tính toán đơn giản về các yếu tố khí hậu, cơ cấu, tốc độ tăng trưởng,...

3. VẬN DỤNG

Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các vấn đề thực tiễn

B. HÌNH THỨC

1. Dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4,5 điểm): 18 câu.
2. Dạng thức trắc nghiệm dạng Đúng/ Sai (4,0 điểm): 04 câu 16 ý hỏi.
3. Dạng thức trả lời ngắn (1,5 điểm): 06 câu.

C. THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

* Học sinh **không** được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

* Học sinh chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập (bút chì, bút bi, máy tính...) khi làm bài kiểm tra; ghi và tô đúng số báo danh, mã đề; ghi thông tin trên phiếu làm bài theo sự hướng dẫn của cán bộ coi kiểm tra.

D. CÂU HỎI THAM KHẢO

1. Trắc nghiệm

a. Nhận biết (30 câu)

Câu 1. Vị trí địa lí của nước ta

- A. trải dài theo chiều từ Bắc xuống Nam.
- C. ít đảo, không có quần đảo nằm xa bờ.
- B. lãnh thổ gồm vùng trời và vùng biển.
- D. tất cả các tỉnh đều có đường biên giới.

Câu 2. Việt Nam tiếp giáp với nước nào sau đây?

- A. Trung Quốc. B. Liên bang Nga. C. Nhật Bản. D. Ấn Độ.

Câu 3. Vị trí địa lí nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nằm hoàn toàn ở vùng ngoại chí tuyến Bắc bán cầu.
- B. Thuộc khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa Châu Á.
- C. Nằm gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á.
- D. Nằm ở bờ phía đông của Thái Bình Dương.

Câu 4. Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản nào của thiên nhiên nước ta?

- A. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ biển. B. Thảm thực vật bốn màu xanh tốt.
- C. Khí hậu thất thường, phân mùa. D. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 5. Trong các vùng biển sau đây, vùng nào có diện tích lớn nhất?

- A. Nội thủy. B. Lãnh hải. C. Tiếp giáp lãnh hải. D. Đặc quyền kinh tế.

Câu 6. Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí

- A. Bắc Ấn Độ Dương. B. cận chí tuyến bán cầu Nam.
- C. lạnh phương Bắc. D. cận chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 7. Tính chất của gió mùa đông bắc vào đầu mùa đông ở nước ta là

- A. lạnh khô. B. lạnh ẩm. C. khô hanh. D. ẩm ướt.

Câu 8. Thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió, ở nước ta thường có hoạt động của loại gió nào sau đây?

- A. Gió mùa Tây Nam. B. Tín phong.
- C. Gió Lào. D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 9. Từ 16°B trở vào Nam hầu như không chịu ảnh hưởng của

- A. gió mùa Đông Bắc. B. gió mùa Tây Nam.
- C. Tín phong. D. gió mùa Đông Nam.

Câu 10. Biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

- A. xâm thực diễn ra mạnh ở vùng đồi núi và bồi tụ ở đồng bằng.
- B. đồi núi chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ, chủ yếu là núi thấp.
- C. không có các dạng địa hình độc đáo như: hang động, thung khô,...
- D. tất cả các dãy núi đều có hướng nghiêng tây bắc – đông nam.

Câu 11. Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện qua

- A. thời tiết luôn ẩm áp, ít chịu ảnh hưởng của các loại thiên tai.
- B. lượng mưa trong năm lớn, nhiệt độ trung bình năm thấp.
- C. sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam và sự đối lập về mùa.
- D. số giờ nắng, tổng lượng bức xạ lớn và nhiệt độ trung bình cao.

Câu 12. Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Mưa nhiều trên địa hình đồi núi thấp.
- B. Trong năm có hai mùa mưa và khô.
- C. Đồi núi bị cắt xẻ mạnh và mưa nhiều.
- D. Độ dốc địa hình lớn và mưa nhiều

Câu 13. Nhiệt độ trung bình tháng ở nước ta

- A. tăng dần từ bắc vào nam.
- B. giảm dần từ bắc vào nam.
- C. không chênh lệch giữa bắc và nam.
- D. lãnh thổ phía bắc luôn cao hơn phía nam.

Câu 14. Gió mùa đông bắc thổi vào nước ta vào nửa sau mùa đông gây mưa phùn do

- A. qua biển mang hơi ẩm.
- B. gặp núi Trường Sơn.
- C. gặp dãy Bạch Mã.
- D. qua lục địa Trung Hoa.

Câu 15. Phần lãnh thổ phía Bắc của nước ta được giới hạn từ

- A. dãy Bạch Mã trở ra.
- B. dãy Hoàng Sơn trở vào.
- C. đèo Hải Vân trở ra.
- D. dãy Hoàng Sơn trở ra.

Câu 16. Thềm lục địa phía Bắc và phía Nam của nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Sâu và hẹp.
- B. Nông và rộng.
- C. Nông và hẹp.
- D. Sâu và rộng.

Câu 17. Từ đông sang tây thiên nhiên nước ta có sự phân hóa thành

- A. vùng đồi núi, đồng bằng ven biển, biển và thềm lục địa.
- B. vùng đồng bằng ven biển, đồi núi, biển và thềm lục địa.
- C. vùng đồng bằng ven biển, biển và thềm lục địa, đồi núi.
- D. vùng biển và thềm lục địa, đồng bằng ven biển, đồi núi.

Câu 18. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Nam nước ta là đới rừng

- A. cận nhiệt đới gió mùa.
- B. cận xích đạo gió mùa.
- C. ôn đới gió mùa trên núi.
- D. nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 19. Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc đặc trưng cho khí hậu

- A. cận nhiệt đới gió mùa cỏ mùa hạ ít mưa.
- B. nhiệt đới ẩm gió mùa cỏ mùa hạ nóng ẩm.
- C. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
- D. cận xích đạo gió mùa cỏ mùa khô sâu sắc.

Câu 20. Gió mùa Tây Nam thổi vào nước ta từ tháng

- A. 5 đến 11.
- B. 6 đến 11.
- C. 4 đến 10.
- D. 5 đến 10.

Câu 21. Hai loại gió chính hoạt động ở nước ta là

- A. gió Tín phong và gió phơn.
- B. gió Tín phong và gió mùa.
- C. gió Tín phong và gió Tây ôn đới.
- D. gió Tín phong và gió biển.

Câu 22. Vào giữa và cuối mùa hạ, gió mùa Tây Nam thổi vào nước ta có nguồn gốc từ

- A. áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.
- B. áp cao Xi-bia.
- C. áp cao cận chí tuyến Bắc bán cầu.
- D. áp cao Bắc Ấn Độ Dương.

Câu 23. Khu vực chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn Tây Nam là

- A. Tây Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 24. Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

- A. cây lá kim và thú có lông dày. B. cây chịu hạn, rụng lá theo mùa.
C. động thực vật cận nhiệt đới. D. động thực vật nhiệt đới.

Câu 25. Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

- A. Bắc - Nam. B. Đông - Tây. C. Độ cao. D. Tây - Đông.

Câu 26. Sinh vật nước ta có tính đa dạng cao, thể hiện ở

- A. thành phần loài, hệ sinh thái và nguồn gen.
B. số lượng sinh vật, phạm vi phân bố và thức ăn.
C. số lượng loài, khả năng thích nghi và sinh sản.
D. thành phần động vật, loài thủy sinh và di cư.

Câu 27. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự suy giảm tài nguyên sinh vật ở nước ta là

- A. sự gia tăng dân số. B. tình trạng di dân.
C. khai thác quá mức. D. sự phát triển kinh tế.

Câu 28. Độ phì đất đang suy giảm chủ yếu ở

- A. vùng chuyên canh nông nghiệp. B. khu công nghiệp tập trung.
C. các làng nghề truyền thống. D. đồng bằng hạ lưu các sông.

Câu 29. Hiện trạng tài nguyên rừng ở nước ta

- A. diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh liên tục qua các năm.
B. diện tích rừng trồng giảm do ảnh hưởng biến đổi khí hậu.
C. tỉ lệ che phủ rừng liên tục tăng trong những năm gần đây.
D. tổng diện tích rừng tăng chủ yếu do diện rừng tự nhiên tăng.

Câu 30. Quá trình xói mòn đất nước ta chủ yếu xảy ra ở

- A. đồng bằng. B. miền núi. C. ven biển. D. ven sông.

b. Thông hiểu (20 câu)

Câu 1. Vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến nên nước ta có

- A. lượng mưa lớn. B. nền nhiệt độ cao.
C. khí hậu mát mẻ. D. nhiều sông lớn.

Câu 2. Việt Nam có nguồn tài nguyên sinh vật vô cùng phong phú là do

- A. nằm liền kề với vành đai sinh khoáng của Thái Bình Dương.
B. nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động, thực vật.
C. nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu, giáp biển Đông.
D. nằm liền kề với vành đai sinh khoáng của vùng Địa Trung Hải.

Câu 3. Đại bộ phận lãnh thổ của nước ta nằm trong múi giờ số 7 là do

- A. nước ta trải dài nhiều vĩ độ và địa hình phân hóa.
B. lãnh thổ của nước ta trải dài theo chiều Bắc-Nam.
C. nằm trong vùng nội chí tuyến thuộc bán cầu Bắc.
D. kinh tuyến 1050Đ chạy qua lãnh thổ của nước ta.

Câu 4. Sự đa dạng về bản sắc dân tộc của nước ta là do vị trí

- A. có sự gặp gỡ nhiều nền văn minh lớn với văn minh bản địa.
B. diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động.
C. nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế lớn.
D. liền kề của hai vành đai sinh khoáng lớn.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	18,6	15,3	23,4	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8
Vũng Tàu	26,5	27,4	28,1	28,8	29,0	29,3	28,0	27,8	27,8	27,4	27,4	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về nhiệt độ trung bình của Hà Nội và Vũng Tàu năm 2022?

- A. Hà Nội có nhiệt độ thấp nhất vào tháng 1.
- B. Biên độ nhiệt năm của Vũng Tàu là $2,8^{\circ}\text{C}$.
- C. Biên độ nhiệt năm của Vũng Tàu cao hơn Hà Nội.
- D. Nhiệt độ tháng 1 của Hà Nội cao hơn Vũng Tàu.

Câu 3. Biện pháp để đảm bảo ổn định quỹ đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng nước ta là

- A. có biện pháp quản lý chặt chẽ, sử dụng theo kế hoạch.
- B. thâm canh, tăng vụ để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
- C. chống bạc màu, chống ô nhiễm đất do thuốc trừ sâu.
- D. bón phân cải tạo đất thích hợp, tăng độ phì trong đất.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Tổng số giờ nắng tại một số trạm quan trắc

(Đơn vị: Giờ)

	2019	2020	2021	2022	2023
Tam Đường (Lai Châu)	2190,4	1863,3	1842,5	1821,8	2031,7
Nha Trang	2731,4	2582,5	2380,3	2250,5	2402,3
Cà Mau	2063,9	2083,8	1870,0	1780,6	1916,7

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023)

Dựa vào bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **không** đúng?

- A. Năm 2020, Tam Đường có số giờ nắng thấp nhất.
- B. Cà Mau có số giờ nắng cao nhất vào năm 2023.
- C. Cà Mau có biến động số giờ nắng không quá lớn.
- D. Năm 2023, số giờ nắng ở cả ba trạm đều tăng.

Câu 5. Quy định việc khai thác tài nguyên sinh vật nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Phục vụ du lịch, xuất khẩu các sinh vật có giá trị.
- B. Mang lại giá trị kinh tế cao trong việc khai thác.
- C. Tránh ảnh hưởng đến môi trường sống của sinh vật.
- D. Đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn lợi sinh vật.

2. Trắc nghiệm Đúng/ sai

Câu 1. Cho thông tin sau:

Các đảo và quần đảo có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh quốc phòng nước ta. Việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người dân Việt Nam. Cần kiên trì nguyên tắc giải quyết tranh chấp bất đồng ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của các quốc gia, tuân thủ luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982.

- a) Việc xác định chủ quyền của một hòn đảo dù rất nhỏ nhưng có ý nghĩa rất lớn.

- b) Về kinh tế, các đảo và quần đảo là điều kiện để nước ta khai thác có hiệu quả các nguồn lợi từ biển.
- c) Để giải quyết tranh chấp giữa hai quốc gia trong vấn đề biển, đảo, cần phải có ít nhất một quốc gia khác hiểu rõ về lịch sử của hai nước.
- d) Các đảo và quần đảo là hệ thống tiền tiêu để bảo vệ đất liền, là giới hạn để xác định đường cơ sở, từ đó xác định các bộ phận của vùng biển.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 160B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

- a) Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh ẩm.
- b) Gió mùa Đông Bắc ít tác động đến miền Nam do ảnh hưởng của dãy Bạch Mã.
- c) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.
- d) Gió mùa Đông Bắc di chuyển quãng đường dài trên lục địa, gây nên thời tiết lạnh khô vào đầu mùa Đông ở miền Bắc.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Nằm ở độ cao trung bình dưới 600 - 700m ở miền Bắc và dưới 900 - 1000 m ở miền Nam. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng trên 25°C; độ ẩm thay đổi theo mùa và theo khu vực. Có hai nhóm đất chính là đất phù sa ở vùng đồng bằng và đất feralit ở vùng đồi núi thấp.

- a) Đây là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa.
- b) Có hệ sinh thái rừng ôn đới chiếm ưu thế.
- c) Mùa hạ nóng do ảnh hưởng vị trí địa lí và hoạt động của gió mùa hạ.
- d) Đất feralit chiếm ưu thế do tác động chủ yếu của yếu tố địa hình và khí hậu.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:

Diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 – 2021

(Đơn vị: Triệu ha)

Tiêu chí \ Năm	Năm		
	1943	2010	2021
Tổng diện tích rừng	14,3	13,4	14,7
- Diện tích rừng tự nhiên	14,3	10,3	10,1
- Diện tích rừng trồng	0,0	3,1	4,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

- a) Tổng diện tích rừng tăng liên tục từ năm 1943 đến năm 2021.
- b) Diện tích rừng tự nhiên giảm liên tục, nhưng diện tích rừng trồng lại tăng liên tục.

c) Từ năm 1943 đến năm 2010, tổng diện tích rừng giảm do diện tích rừng bị phá lớn hơn diện tích rừng trồng.

d) Từ năm 2010 đến năm 2021, tổng diện tích rừng tăng do diện tích rừng trồng lớn hơn diện tích rừng bị phá.

3. Trả lời ngắn

a. Nhận biết (5 câu)

Câu 1. Phần đất liền của nước ta kéo dài từ vĩ độ $8^{\circ}34'B$ đến $23^{\circ}23'B$ và kinh độ $102^{\circ}09'D$ đến $09^{\circ}28'D$. Vậy phần lãnh thổ trên đất liền nước ta trải dài khoảng bao nhiêu vĩ độ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 2. Chiều dài đường biên giới nước ta với Trung Quốc là 1 400 km, với Lào là 2 100 km, với Campuchia là 1 100 km. Tính tổng chiều dài đường biên giới nước ta.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Huế năm 2022

(Đơn vị: $^{\circ}C$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	21,6	19,4	24,3	24,6	26,6	29,7	29,1	28,4	27,5	24,7	25,2	20,1

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại Huế (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của $^{\circ}C$).

Câu 4. Biên độ nhiệt trung bình của Hà Nội năm 2023 là $13,3^{\circ}C$, biên độ nhiệt trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh thấp hơn Hà Nội $8,8^{\circ}C$, tính biên độ nhiệt năm của TP. Hồ Chí Minh năm 2023 (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân của đơn vị $^{\circ}C$).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm của Hà Đông (Hà Nội) và Vũng Tàu

(Đơn vị: $^{\circ}C$)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm
Hà Đông	23,7
Vũng Tàu	27,1

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết Vũng Tàu và Hà Đông có chênh lệch nhiệt độ trung bình năm là bao nhiêu $^{\circ}C$? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của $^{\circ}C$)

b. Thông hiểu (5 câu)

Câu 1. Khi ở thành phố Luân Đôn (múi giờ số 0) đang là 4 giờ thì cùng lúc đó ở thành phố Hà Nội (múi giờ số 7) là mấy giờ?

Câu 2. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 0,331212 triệu km^2 , số dân năm 2022 là 99,47 triệu người. Vậy mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu người/ km^2 ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km^2)

Câu 3. Thành phố Hồ Chí Minh có tổng lượng mưa trong năm là 1931 mm và lượng bốc hơi 1688 mm. Cho biết cân bằng ẩm trong năm của Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu mm?

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 - 2021

(Đơn vị: Triệu ha)

Tiêu chí	Năm	1943	2021
	Tổng diện tích rừng		14,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng tổng diện tích rừng của nước ta năm 2021 so với năm 1943. (làm tròn kết quả đến hàng vi của %).

Câu 5. Tổng diện tích rừng của nước ta năm 2021 là 14,8 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng tự nhiên là 10,2 triệu ha. Tính tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên trong tổng diện tích rừng? (Làm tròn đến 1 chữ số thập phân của %)

c. Vận dụng (5 câu)

Câu 1. Huế có mưa vào mùa thu đông (bắt đầu từ tháng 9 đến hết tháng 2 năm sau) với tổng lượng mưa toàn mùa mưa là 4616,9 mm, chiếm 93,25% lượng mưa cả năm. Tính tổng lượng mưa cả năm của Huế (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

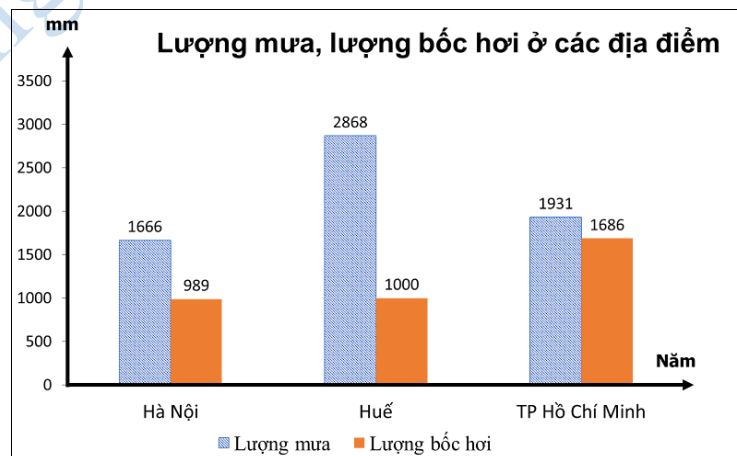
Câu 2. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy trung bình các tháng năm 2020 tại một số trạm thủy văn
(Đơn vị: m³/s)

Trạm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội (Hồng)	984	924	934	1061	1668	3080	5632	5262	3584	2647	1863	1159
Nông Sơn (Thu Bồn)	248	138	96	76	108	101	72	83	193	671	1039	604
Mỹ Thuận (Tiền)	3365	1870	1308	1204	1676	4104	7423	11726	13310	12984	9775	3886

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Mỹ Thuận nhiều hơn trạm Hà Nội bao nhiêu m³/s (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s).

Câu 3. Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết trị số cân bằng ẩm của Huế cao hơn Hà Nội là bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Câu 4. Tại lưng chừng núi sườn đón gió ẩm (500 m) có nhiệt độ là 25°C, độ cao của đỉnh núi là 2500m. Vậy nhiệt độ ở chân núi sườn khuất gió là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng nước ta giai đoạn 1943 - 2021

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	1943	2010	2021
Tổng	14,3	13,4	14,7
Rừng tự nhiên	14,3	10,3	10,1
Rừng trồng	0	3,1	4,6

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng trồng trong tổng diện tích có rừng của nước ta năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

-----**HẾT**-----

Trưởng THPT Nguyễn Việt Hùng